

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU PHONG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ – ST

Ngày 07/9/2021

*V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”
giữa bà N và ông Đ.*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Xuân Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Mai Văn Ánh và ông Hoàng Đức Bảo.

- Thư ký phiên tòa: ông Phan Đăng Khoa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong tham gia phiên tòa: bà Ngô Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 07/9/2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 46/2021/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 12/QĐST-HNGĐ ngày 20/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Thanh N (Nguyễn Thị N), sinh năm 1984; cư trú tại: thôn Võ Phúc An, xã Triệu Thuận, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị - Có mặt.

Bị đơn: ông Hồ Sĩ Đ, sinh năm 1981; cư trú tại: thôn Võ Phúc An, xã Triệu Thuận, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị - Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày **03/02/2021** và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay thì nội dung vụ án như sau: bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Hồ Sĩ Đ yêu nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Triệu Thuận, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị vào ngày 23 tháng 12 năm 2003. Sau khi kết hôn bà N và ông Đ sinh sống với nhau tại nhà ông Đ ở thôn Võ Phúc An, xã Triệu Thuận, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Thời gian đầu hai vợ chồng sống với nhau hạnh phúc và sinh được 03 người con chung. Trong quá trình chung sống với nhau đến năm 2018 thì vợ chồng bà N bắt đầu phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do ông Đ thường xuyên rượu chè, không chịu khó làm ăn, không quan tâm đến kinh tế gia

đình và vợ con. Mỗi lần nhậu say về là luôn kiểm soát gây gổ, thậm chí đánh đập và chửi bới bà N, phá hoại tài sản trong nhà và đuổi bà N cùng các con ra khỏi nhà. Mâu thuẫn cứ lặp đi lặp lại và ngày một trầm trọng, nhưng vì thương con nên bà N cố gắng nhẫn nhịn để mong ông Đ thay đổi nhưng ông Đ vẫn chứng nào tật nấy và không chịu thay đổi làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng hơn. Với những lý do đó, bà N thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài nên bà N đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hồ Sĩ Đ.

Về con chung: Trong quá trình sống chung với nhau ông Đ và bà N có 3 người con chung là các cháu Hồ Sĩ Minh P, sinh ngày 25/10/2003, cháu Hồ Sĩ Hoài N, sinh ngày 26/4/2008 và cháu Hồ Thị Phương T, sinh ngày 23/5/2013. Nếu ly hôn bà N nhân có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Thảo và giao cháu P và cháu N cho ông Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Riêng cháu Hồ Sĩ Minh P đã gần đủ 18 tuổi và cháu đã tự đi làm, có thu nhập để tự nuôi sống bản thân nên ông Đ không phải lo về phần kinh tế cho cháu P.

Cũng theo bà N, ông Đ làm nghề thợ mộc, thu nhập tùy vào công việc nhưng bình quân khoảng 5.000.000 đồng/tháng. Còn bản thân bà làm nghề may, trước đây chưa có dịch bệnh thì mức lương 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/tháng. Do hiện tại vì dịch bệnh Covid 19 nên mức lương và công việc không ổn định, khi có việc khi không có việc nên mức thu nhập không ổn định và rất thấp khoảng 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng/tháng. Vì vậy, bà N chỉ xin nuôi cháu Hồ Thị Phương T vì cháu là con gái. Còn hai cháu Hồ Sĩ Minh P, cháu Hồ Sĩ Hoài N là con trai và cũng đã lớn nên bà đề nghị Tòa án giao hai cháu P và Nam cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Riêng đối với cháu P, đến thời điểm hiện tại thì cháu P sắp đủ 18 tuổi (sinh ngày 25/10/2003) và cháu cũng đi làm có thu nhập nên cháu đã tự lo cho mình.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản trình bày ý kiến đề ngày 29/4/2021 và tại phiên hòa giải ngày 06/5/2021, ông Đ trình bày: ông và bà Nguyễn Thị Thanh N yêu nhau trên cơ sở tự nguyện, cưới nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Triệu Thuận, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị vào ngày 23 tháng 12 năm 2003. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sinh sống với nhau tại nhà ông Đ ở thôn Võ Phúc An, xã Triệu Thuận, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Quá trình sống với nhau vợ chồng ông Đ sống hòa thuận, không có mâu thuẫn gì lớn. Thời gian gần đây hai vợ chồng có xảy ra cãi vã nhau do ông Đ có uống rượu bia ở bên ngoài, khi về thì bà N hay nói nên ông Đ nói lại, dẫn đến vợ chồng hay cãi vã nhau. Bản thân ông Đ chưa khi nào đánh vợ con, chỉ có một lần bức xúc với bà N, nên ông Đ có nắm cổ bà N với mục đích là dọa chứ không đánh. Vì vậy, bà N tức giận nên làm đơn ly hôn ông Đ. Theo ông Đ mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn nên ông Đ đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng ông đoàn tụ với nhau để nuôi dạy con cái, xây dựng hạnh phúc gia đình.

Về con chung: Quá trình chung sống với nhau, ông Đ và bà N có 3 người con chung là các cháu Hồ Sĩ Minh P, sinh ngày 25/10/2003, cháu Hồ Sĩ Hoài Nam, sinh ngày 26/4/2008 và cháu Hồ Thị Phương T, sinh ngày 23/5/2013. Nếu không đoàn tụ được, vợ chồng phải ly hôn thì ông Đ có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T và cháu N, ông Đ yêu cầu cô N cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Hồ Sĩ Hoài N mỗi tháng 1.500.000 đồng, kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu N đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Riêng cháu Hồ Sĩ Minh P đã gần đủ 18 tuổi và có công việc, thu nhập để tự nuôi sống bản thân nên ông không yêu cầu gì.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong có ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự thì: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng đối với bị đơn thì chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho bà N được ly hôn với ông Đ; về con chung: Áp dụng Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cháu Hồ Thị Phương T, sinh ngày 23/5/2013 cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu Hồ Sĩ Hoài N, sinh ngày 26/4/2008 và cháu Hồ Sĩ Minh P, sinh ngày 25/10/2003 cho ông Đ chăm sóc, nuôi dưỡng, không chấp nhận yêu cầu của ông Đ buộc bà N cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Hồ Sĩ Hoài N mỗi tháng 1.500.000 đồng; Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết; bà N chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong tiến hành tổng đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án cho ông Hồ Sĩ Đ, ông Đ có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án vào ngày 29/4/2021, Tòa án đã tổ chức phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 06/5/2021 theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng hòa giải không thành. Ngày 14/7/2021, Tòa án ra thông báo hòa giải lần 2 vào ngày 22/7/2021 và tổng đạt cho các bên đương sự theo đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định. Ngày 22/7/2021, Tòa án án tiến hành hòa giải lần hai nhưng phía ông Đ không đến tham gia hòa giải nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được với sự chứng kiến của bà N. Ngày 03/8/2021, Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt cho các bên đương sự theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Ngày 20/8/2021, Tòa án nhân dân huyện Triệu

Phong mở phiên tòa xét xử vụ án, nhưng ông Đ vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, nên Tòa án ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định đến ngày 07/9/2021 xét xử lại vụ án và tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Đ vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Hồ Sĩ Đ là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại UBND xã Triệu Thuận, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị vào ngày 23/12/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà N sống chung với nhau tại nhà riêng của ông Đ ở thôn Võ Phúc An, xã Triệu Thuận, huyện Triệu Phong và có với nhau ba người con chung. Trong quá trình chung sống, ông Đ thường xuyên rượu chè, không chịu khó làm ăn, không quan tâm đến gia đình và vợ con nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Mỗi lần uống rượu về là kiếm cớ gây gổ, thậm chí đánh đập và chửi bới bà N, phá hoại tài sản trong nhà và đuổi bà N cùng các con ra khỏi nhà. Bà N đã nhiều lần khuyên bảo ông Đ nhưng ông Đ vẫn không chịu thay đổi làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng hơn. Từ đó bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ. Tại văn bản trình bày ý kiến của ông Đ vào ngày 29/4/2021 và tại biên bản hòa giải ngày 06/5/2021, ông Đ thừa nhận có lần bức xúc với bà N, ông nắm cổ bà N nhưng chỉ dọa bà N nên làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt hơn. Mặc dù tại phiên tòa hôm nay, không có mặt ông Đ nhưng qua xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả xác minh tại UBND xã Triệu Thuận vào ngày 23/7/2021; lời trình bày của bà N tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thấy: Việc bà N xin ly hôn ông Đ là do ông Đ thường xuyên rượu chè, không chịu khó làm ăn, không quan tâm đến gia đình và vợ con. Mỗi lần uống rượu về thì luôn kiếm cớ gây gổ, thậm chí đánh đập và chửi bới bà N, phá hoại tài sản trong nhà và đuổi bà N cùng các con ra khỏi nhà, bà N đã nhiều lần bỏ nhà đi rồi quay về sống với ông Đ điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn vợ chồng của bà N và ông Đ đã đến mức trầm trọng, tình trạng hôn nhân không đạt được mục đích, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Do đó, cần chấp nhận đơn khởi kiện của bà N, xử cho bà N được ly hôn với ông Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Trong bản trình bày ý kiến của ông Đ và tại buổi hòa giải ngày 06/5/2021, ông Đ cho rằng mình còn thương yêu vợ con và đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng ông Đ không có giải pháp nào để chứng minh cho yêu cầu đó của mình là có căn cứ để mong muốn được đoàn tụ vợ chồng, điều này được thể hiện: Khi Tòa án ra thông báo hòa giải lần hai vào ngày 22/7/2021, thì

ông Đ vẫn không có mặt để tham gia hòa giải; khi tòa án mở phiên tòa vào ngày 20/8/2021 ông Đ vẫn không đến tham gia, để Tòa án vẫn có thể hòa giải tại phiên tòa. Vì vậy, đề nghị của ông Đ không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Nhân và ông Đ có 3 người con chung là các cháu Hồ Sĩ Minh P, sinh ngày 25/10/2003, cháu Hồ Sĩ Hoài N, sinh ngày 26/4/2008 và cháu Hồ Thị Phương T, sinh ngày 23/5/2013. Trong đơn khởi kiện và lời trình bày của bà N tại phiên tòa hôm nay, bà N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hồ Thị P Thảo và giao cháu Hồ Sĩ Minh P và cháu Hồ Sĩ Hoài N cho ông Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không bên nào cấp dưỡng bên nào. Tại bản trình bày ý kiến của ông Đ và tại buổi hòa giải ngày 06/5/2021, ông Đ có ý kiến, nếu trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì ông Đ có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T và cháu N, ông Đ yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Hồ Sĩ Hoài N mỗi tháng 1.500.000 đồng, kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu N đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Riêng cháu Hồ Sĩ Minh P đã gần đủ 18 tuổi và có công việc, thu nhập để tự nuôi sống bản thân nên ông Đ không yêu cầu gì. Tại bản trình bày ý kiến của cháu Hồ Thị Phương T thì cháu T có nguyện vọng ở với bà N. Xét nguyện vọng của cháu Thảo và các điều kiện khác Hội đồng xét xử thấy: cháu T là con gái nên để bà N chăm sóc thì thuận tiện hơn ông Đ nên cần xử giao cháu T cho bà N chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Đối với cháu Hồ Sĩ Hoài N và cháu Hồ Sĩ Minh P, thì Hội đồng xét xử thấy: Theo đơn trình bày nguyện vọng của cháu N và cháu P thì cả hai cháu muốn ở với bố nên cần chấp nhận giao cả hai cháu cho ông Đ nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con Hội đồng xét xử thấy: Bà N nuôi cháu T, ông Đ nuôi cháu N không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu P sinh ngày 25/10/2003, tính đến nay đã gần 18 tuổi nhưng cả cháu P, ông Đ và bà N đều thừa nhận, hiện tại cháu P đã có công ăn việc làm ổn định, tự nuôi sống được bản thân nên Hội đồng xét xử thấy giao cả hai cháu P và N cho ông Đ chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với tình hình thực tế và phù hợp với nguyện vọng của cháu N và cháu P nên yêu cầu cấp dưỡng của ông Đ về nuôi dưỡng cháu N không được chấp nhận.

Sau khi ly hôn bà N và ông Đ được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở quyền này theo quy định tại Điều 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Hồ Sĩ Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: bà Nguyễn Thị Thanh N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56; khoản 3 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình:

- Về tình cảm: Xử cho bà Nguyễn Thị Thanh N (Nguyễn Thị N), được ly hôn ông Hồ Sĩ Đức.

- Về con chung: Xử giao cháu Hồ Thị Phương T, sinh ngày 23/5/2013 cho bà Nguyễn Thị Thanh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Hồ Sĩ Minh P, sinh ngày 25/10/2003 và cháu Hồ Sĩ Hoài N, sinh ngày 26/4/2008 cho ông Hồ Sĩ Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào cấp dưỡng bên nào.

Bà Nhân và ông Đ có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bà Nguyễn Thị Thanh N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004757 ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Phong (bà Nguyễn Thị Thanh N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

Báo cho bà Nguyễn Thị Thanh N biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Tòa án trên một cấp để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Ông Hồ Sĩ Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;
- Chi cục THADS huyện Triệu Phong;
- UBND xã Triệu Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Hải

